

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Khoáng sản Vinas A Lưới được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 3300529819 vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Công ty có trụ sở tại: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/06/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch (từ ngày 28/12/2018 đến 15/06/2019)
Ông Trần Kim Luật	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/12/2018)
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/12/2018)
Ông Bùi Minh Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Bùi Vĩnh Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/06/2019)

Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 17/06/2019)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm 15/06/2019)
Ông Đinh Hải Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/06/2019)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm 15/06/2019)
Ông Bùi Quang Đức	Ủy viên (miễn nhiệm 15/06/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/06/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/06/2019)
Ông Ngô Xuân Doanh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/06/2019)
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 03/06/2019)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017.
- Theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện đầu tư vào "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê" tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng làm chủ đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.
- Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp thêm vốn vào Công ty CP Edico với số tiền 15.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017, nâng tổng số cổ phần đầu tư lên 2.750.000 cổ phần tương ứng với giá trị đầu tư là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% vốn điều lệ Công ty CP Edico. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Edico theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT ngày 28/12/2018 của Hội đồng quản trị. Đến ngày 31/12/2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Edico.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang với giá trị vốn góp là 24.500.000.000 VND chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ của công ty này theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, Công ty đã thoái toàn bộ đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang theo Nghị quyết số 08/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2812/HĐCN-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển nhượng là 24.500.000.000 VND.
- Vào ngày 3 tháng 6 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 13, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Phạm Văn Hải sang ông Bùi Minh Trường, chức danh Tổng Giám đốc.
- Theo Quyết định số 283/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu của Công ty (ALV) hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 654/TB-SGDHN ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu ALV được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 377/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hiện tại, cổ phiếu ALV bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM: chỉ được giao dịch vào

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

phiên thứ Sáu hàng tuần bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 669/TB-SGDHN ngày 20 tháng 6 năm 2019.

- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, một số nội dung chủ yếu được thông qua tại Biên bản kỳ họp số 15.6/2019/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV: thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2017; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Ngày 15 tháng 6 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, một số nội dung chủ yếu được thông qua tại Biên bản kỳ họp số 16.6/2019/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV: thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019; thông qua việc miễn nhiệm và bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ năm 2019 đến năm 2023.
- Theo nghị quyết số 03/2019/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 20 tháng 06 năm 2019, Công ty thực hiện thanh lý toàn bộ tài sản cố định. Ngày 01/07/2019. Công ty đã ký hợp đồng thanh lý tài sản cố định với Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Phú Minh Sơn và đã thực hiện bàn giao thiết bị cho bên mua vào ngày 05/07/2019.

Ngày 02/02/2018, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản cố định vô hình với Bà Ngô Thị Thủy Dương. Đến ngày 14 tháng 03 năm 2019, Công ty đã xuất hóa đơn hoàn tất giao dịch chuyển nhượng tài sản cố định vô hình này.

Ngoài sự các kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng giám đốc

BÙI MINH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2019



Số: 018.ĐC/2019/BCKT-HT.00070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 9 năm 2019, từ trang 7 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV sau ngày 31/12/2018 do đó, chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê quỹ tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty tại 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 15.434.483 VND, 9.189.816.622 VND và 1.492.935.657 VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên.

Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan đến giao dịch hợp tác đầu tư Dự án nhà máy xi măng Liên Khê của Công ty với Công ty CP Xi măng Bạch Đằng với tổng giá trị là 45.000.000.000 VND. Do hạn chế của thông tin được cung cấp, Chúng tôi không có đầy đủ căn cứ đánh giá được tính hợp lý và hiệu quả phương án đầu tư này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.15 của Thuyết minh báo cáo tài chính, theo quyết định số 1183/QĐ-CCT ngày 07/09/2017 của Chi cục thuế huyện A Lưới, Công ty đang bị cưỡng chế thuế và Hóa đơn giá trị gia tăng không có giá trị từ ngày 11/09/2017. Do đó, Công ty không xuất được hóa đơn giá trị gia tăng đối với các khoản doanh thu ghi nhận sau thời điểm 11/09/2017. Đến thời điểm kiểm toán, tổng giá trị doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT là 19.729.753.292 VND. Hiện Công ty đang làm các thủ tục với cơ quan thuế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và đăng ký lưu hành lại hóa đơn.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 tại ngày 25 tháng 06 năm 2018 do không quan sát kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và công nợ trả trước cho người bán.

Tại ngày 28/12/2018, Công ty đã thực hiện thoái hết vốn đầu tư tại công ty con (công ty con duy nhất) và không phải lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính đính kèm của Công ty không bao gồm những phát sinh trong kỳ của công ty con đã được thoái hết vốn.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 018/2019/BCKT-HT.00070 ngày 22 tháng 07 năm 2019. Việc phát hành lại do kiểm toán viên xem xét đánh giá bổ sung bằng chứng liên quan đến khoản đầu tư của Công ty trong năm 2018.



TRẦN ĐÌNH DŨNG

Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

NGUYỄN ĐĂNG SỸ

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 3725-2016-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.678.884.580	53.795.681.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	105.616.273	3.232.760.792
1. Tiền	111		105.616.273	3.232.760.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.080.332.650	47.666.073.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	-	28.660.810.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	28.863.130.650	14.081.655.240
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.202.280.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	554.922.000	5.563.607.102
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(540.000.000)	(640.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	1.492.935.657	2.896.847.812
1. Hàng tồn kho	141		1.492.935.657	2.896.847.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.194.518.957	25.210.776.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	45.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.189.816.622	10.202.175.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.689.816.622	5.702.175.946
- Nguyên giá	222		8.030.171.549	8.030.171.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.340.354.927)	(2.327.995.603)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	4.500.000.000	4.500.000.000
- Nguyên giá	228		4.500.000.000	4.500.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	11.413.043.478
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	11.413.043.478
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.004.702.335	3.595.557.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	4.004.702.335	3.595.557.168
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.873.403.537	79.006.458.466

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		32.812.792.937	41.298.873.577
I. Nợ ngắn hạn	310		32.812.792.937	41.298.873.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	13.399.360.172	26.088.996.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.262.373.118	7.978.982.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.134.563.101	5.412.410.504
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.533.769.081	1.519.905.444
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	1.355.364.349	138.715.546
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	11.061.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	159.863.116
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.060.610.600	37.707.584.889
I. Vốn chủ sở hữu	410		64.060.610.600	37.707.584.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.18a	56.579.360.000	31.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.579.360.000	31.579.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18a	(17.000.000)	(17.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.18f	415.707.715	415.707.715
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.18a	7.082.542.885	5.729.517.174
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.684.016.728	921.327.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		398.526.157	4.808.189.999
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.873.403.537	79.006.458.466

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






HÀ THỊ HỒNG NHUNG HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BÙI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.679.525.550	68.333.197.507
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV	10		7.679.525.550	68.333.197.507
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	7.633.933.799	59.210.408.917
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.591.751	9.122.788.590
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.812.224.128	981.074.044
7 Chi phí tài chính	22	6.4	1.587.266.737	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.587.266.737	-
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	72.345.000	989.250.272
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	4.050.305.680	905.655.219
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.147.898.462	8.208.957.143
11 Thu nhập khác	31	6.5	65.363.636	280
12 Chi phí khác	32	6.6	478.965.417	552.801.451
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(413.601.781)	(552.801.171)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		734.296.681	7.656.155.972
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	335.770.524	1.343.997.973
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		398.526.157	6.312.157.999
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	71	1.139
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	71	1.139

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



HÀ THỊ HỒNG NHUNG



HÀ THỊ HỒNG NHUNG



BÙI MINH TRƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		734.296.681	7.656.155.972
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.012.359.324	581.148.754
- Các khoản dự phòng	03		(100.000.000)	(1.017.137.111)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.812.224.128)	(981.074.044)
- Chi phí lãi vay	06		1.587.266.737	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.578.301.386)	6.239.093.571
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		18.888.020.620	(13.522.804.509)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		1.403.912.155	(209.968.568)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(18.559.451.946)	14.629.637.086
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(409.145.167)	(335.126.751)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.587.266.737)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(275.399.664)	(718.069.332)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(93.500.000)	(239.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.211.132.125)	5.843.011.497
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		-	(10.468.181.818)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.802.280.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.600.000.000	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(84.500.000.000)	(4.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.725.267.606	981.074.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.977.012.394)	1.012.892.226
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		25.000.000.000	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		26.261.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.200.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(4.511.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.061.000.000	(4.511.904.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(3.127.144.519)	2.343.999.723
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.232.760.792	888.761.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5-1	105.616.273	3.232.760.792

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 05 tháng 9 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BÙI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty CP Khoáng sản Vinas A Lưới được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 3300529819 vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **56.579.360.000 đồng** (Năm mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Công ty có trụ sở tại: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là bán đá xây dựng và thi công đường giao thông.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thoái hết vốn đầu tư tại công ty con nên Công ty không thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 theo hướng dẫn của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con được lập vào thời điểm cuối năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Máy móc, thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

4.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.15 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.24 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ	15.434.483	1.171.048.824
Tiền gửi ngân hàng	90.181.790	2.061.711.968
Tổng	105.616.273	3.232.760.792

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Edico	-	-		11.413.043.478	-	(*)
Cộng	-	-		11.413.043.478	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Theo Nghị quyết số 06/ALV/NQ-HĐQT ngày 21/06/2017 của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện đầu tư mua 1.250.000 cổ phần của Công ty CP Edico với giá mua 10.000 đồng/Cổ phần. Trong năm 2017, Công ty ghi nhận giảm giá trị khoản đầu tư tương ứng với khoản cổ tức được nhận trước ngày đầu tư với số tiền là 1.086.956.522 đồng theo Nghị quyết số 01/207/EDICO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2017 của Công ty CP Edico.

Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp thêm vốn vào Công ty CP Edico với số tiền 15.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017, nâng tổng số cổ phần đầu tư lên 2.750.000 cổ phần tương ứng với giá trị đầu tư là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% vốn điều lệ Công ty CP Edico.

Theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT ngày 28/12/2018 của Hội đồng quản trị, Công ty thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Edico. Tại ngày 28/12/2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Edico. Giá chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty CP Edico là 27.500.000.000 VND, lãi từ thanh lý khoản đầu tư là 1.086.956.522 VND.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Edico	-	27.425.602.644
Các khoản phải thu khách hàng khác	-	1.235.208.284
Tổng	-	28.660.810.928
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Edico	-	27.425.602.644
Tổng	-	27.425.602.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Bảo Khoa	5.100.000.000	1.540.000.000
Công ty TNHH xây dựng BVT	-	2.055.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	7.814.066.945	-
Công ty TNHH MTV DV-TM Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	4.581.000.000
Công ty TNHH Tâm Thịnh Tiến	3.151.000.000	5.151.000.000
Công ty TNHH TM - Dịch vụ và SX Sông Ranh	3.000.000.000	-
Công ty CP xây lắp và thiết bị TH Việt	7.000.000.000	-
Công ty CP tổng hợp xây dựng công trình 69	1.000.000.000	-
Các tổ chức, cá nhân khác	542.375.240	754.655.240
Tổng	28.863.130.650	14.081.655.240

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ông Lưu Anh Tuấn (*)	7.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Oanh (**)	1.202.280.000	-
Tổng	8.202.280.000	-

(*) Khoản cho ông Lưu Anh Tuấn vay theo Hợp đồng vay vốn số 09/2018/HĐVV ngày 27 tháng 12 năm 2018 với thời hạn là 12 tháng, lãi suất 12%/năm.

(**) Khoản cho bà Nguyễn Thị Oanh vay theo Hợp đồng vay vốn ngày 31 tháng 12 năm 2018 với thời hạn là 12 tháng, lãi suất 12%/năm.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	554.922.000	-	2.054.922.000	-
- Phải thu khác	-	-	3.508.685.102	-
Tổng	554.922.000	-	5.563.607.102	-
b. Dài hạn				
- Phải thu khác	45.000.000.000	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đẳng (*)</i>	<i>45.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng	45.000.000.000	-	-	-

(*) Khoản hợp tác đầu tư theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đẳng ("Bạch Đẳng") để đầu tư vào "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê" tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Bạch Đẳng làm chủ đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hải Phòng số 1901/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Giấy phép xây dựng số 41/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7 Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trả trước cho người bán						
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp Đà Nẵng	-	-	-	100.000.000	-	(100.000.000)
Công ty TNHH TM & DV tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	(540.000.000)	540.000.000	-	(540.000.000)
Cộng	540.000.000	-	(540.000.000)	640.000.000	-	(640.000.000)

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	362.462.249	-	363.277.110	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.115.559.267	-	2.430.027.643	-
Thành phẩm	14.914.141	-	31.822.441	-
Hàng hóa	-	-	71.720.618	-
Tổng	1.492.935.657	-	2.896.847.812	-

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Vào ngày 31/12/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2018	2.003.995.603	324.000.000	2.327.995.603
Khấu hao trong năm	976.359.324	36.000.000	1.012.359.324
Thanh lý	-	-	-
Vào ngày 31/12/2018	2.980.354.927	360.000.000	3.340.354.927
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2018	5.666.175.946	36.000.000	5.702.175.946
Vào ngày 31/12/2018	4.689.816.622	-	4.689.816.622

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.902.227.810 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
<i>Nguyên giá</i>	
Vào ngày 01/01/2018	4.500.000.000
Mua trong năm	-
Vào ngày 31/12/2018	4.500.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Vào ngày 01/01/2018	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2018	-
<i>Giá trị còn lại</i>	
Vào ngày 01/01/2018	4.500.000.000
Vào ngày 31/12/2018	4.500.000.000

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí bóc tầng phủ mở đá	1.593.469.633	1.593.469.633
Chi phí và lệ phí cấp quyền khai thác mỏ đá	2.411.232.702	1.989.669.348
Công cụ, dụng cụ	-	12.418.187
Tổng	4.004.702.335	3.595.557.168

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2018		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	26.261.000.000		15.200.000.000		11.061.000.000	11.061.000.000
Tổng	-	-	26.261.000.000		15.200.000.000		11.061.000.000	11.061.000.000

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0241/00518/HMTDDC-PN ngày 19 tháng 3 năm 2018 với hạn mức tính dụng là 11.300.000.000 VND, thời hạn vay đến hết ngày 19 tháng 3 năm 2019, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất áp dụng trong năm là 11,2%/năm, tài sản đảm bảo là lô đất tại Lô 1413 KDC Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của ông Phan Hoàng Việt và bà Lê Thị Minh Nga địa chỉ tại Tổ 39 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	-	-	2.605.386.325	2.605.386.325
Công ty TNHH xây dựng BVT	1.556.379.000	1.556.379.000	-	-
Công ty Cổ phần Edico	-	-	9.844.687.325	9.844.687.325
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Tổng hợp Thọ Trường	2.191.230.638	2.191.230.638	2.178.586.888	2.178.586.888
Công ty TNHH Mai Ngọc Ánh	1.401.157.500	1.401.157.500	1.431.027.500	1.431.027.500
Công ty TNHH TMDV Vận tải Tuấn Phát	2.165.501.900	2.165.501.900	2.215.501.900	2.215.501.900
Các đối tượng khác	6.085.091.134	6.085.091.134	7.813.806.601	7.813.806.601
Tổng	13.399.360.172	13.399.360.172	26.088.996.539	26.088.996.539

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	-	-	2.605.386.325	2.605.386.325
Công ty Cổ phần Edico	-	-	9.844.687.325	9.844.687.325
Tổng	-	-	12.450.073.650	12.450.073.650

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	825.495.349	6.542.104.659
Công ty CP Việt Trung	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Phú Lâm	836.877.769	836.877.769
Tổng	2.262.373.118	7.978.982.428

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2018 VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.135.660.721	1.581.245.374	3.618.176.429	98.729.666
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.912.165.152	(618.729.030)	275.399.664	1.018.036.458
Thuế thu nhập cá nhân	239.883.300	-	9.600.000	230.283.300
Thuế, phí khác	1.124.701.331	789.986.943	127.174.597	1.787.513.677
Tổng	5.412.410.504	1.752.503.287	4.030.350.690	3.134.563.101

Theo quyết định số 1183/QĐ-CCT ngày 07/09/2017 của Chi cục thuế huyện A Lưới, Công ty đang bị cưỡng chế thuế và Hóa đơn giá trị gia tăng không có giá trị từ ngày 11/09/2017. Do đó, Công ty không xuất được hóa đơn giá trị gia tăng đối với các khoản doanh thu ghi nhận sau thời điểm 11/09/2017. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, tổng giá trị doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT là 19.729.753.292 VND. Hiện Công ty đang làm các thủ tục với cơ quan thuế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và đăng ký lưu hành hóa đơn.

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí các công trình	1.283.632.717	1.492.632.717
Chi phí kiểm toán	190.909.091	27.272.727
Chi phí phải trả khác	59.227.273	-
Tổng	1.533.769.081	1.519.905.444

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các khoản phải trả ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	127.392.283	72.864.283
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.227.972.066	65.851.263
Tổng	1.355.364.349	138.715.546

5.18 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2017	30.079.360.000	(17.000.000)	6.100.778.819	36.163.138.819
Vốn góp trong năm	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Lãi trong năm	-	-	6.312.157.999	6.312.157.999
Chia cổ tức	-	-	(6.683.419.644)	(6.683.419.644)
Số dư 31/12/2017	31.579.360.000	(17.000.000)	5.729.517.174	37.291.877.174
Số dư 01/01/2018	31.579.360.000	(17.000.000)	5.729.517.174	37.291.877.174
Vốn góp trong năm	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	398.526.157	398.526.157
Chia cổ tức	-	-	-	-
Tăng khác (*)	-	-	954.499.554	954.499.554
Số dư 31/12/2018	56.579.360.000	(17.000.000)	7.082.542.885	63.644.902.885

(*) Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế và giảm thuế TNDN phải nộp, do số thuế TNDN phải nộp đang theo dõi lũy kế trên sổ cao hơn số thuế phải nộp xác định theo biên bản quyết toán thuế năm 2016 và 2017 ngày 29/01/2019.

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017.

Ngày 04/01/2018, Công ty đã gửi Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, về việc hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược.

Chi tiết báo cáo kết quả đợt chào bán:**I. TÓM TẮT KẾT QUẢ PHÁT HÀNH**

Tên cổ phiếu phát hành:	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng ALV
Loại cổ phiếu phát hành:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phần
Vốn chủ sở hữu trước phát hành:	31.579.360.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.500.000 cổ phiếu
Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược
Giá phát hành:	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu chào bán:	17/10/2017
Ngày hoàn thành đợt chào bán:	03/01/2018
Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành:	25.000.000.000 đồng
Vốn chủ sở hữu sau phát hành:	56.579.360.000 đồng

II. KẾT QUẢ PHÁT HÀNH

- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 2.500.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành.
- Tổng số tiền thu được từ việc phát hành: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG TIỀN PHÁT HÀNH VỐN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 19/8/2017, số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng như sau:

- Đầu tư mua máy xay nghiền đá: 3.000.000.000 đồng;
- Đầu tư mua trạm trộn bê tông nhựa nóng: 7.000.000.000 đồng;
- Đầu tư vào công ty xây dựng công trình giao thông (Công ty cổ phần Edico): 15.000.000.000 đồng.

IV. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Công ty đã sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành theo đúng mục đích như sau:

- Đầu tư mua máy xay nghiền đá: 3.000.000.000 đồng;
- Đầu tư mua trạm trộn bê tông nhựa nóng: 7.000.000.000 đồng;
- Đầu tư vào công ty xây dựng công trình giao thông (Công ty cổ phần Edico): 15.000.000.000 đồng.

Tổng số tiền đã giải ngân từ đợt phát hành: 25.000.000.000 đồng.

Theo nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT ngày 28/12/2018 Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Edico và thực hiện hợp tác đầu tư dự án "Nhà máy xi măng Liên Khê".

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 56.579.360.000 đồng, chia thành 5.657.936 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2018 như sau:

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Trương Thế Sơn	2.633.400.000	4,65%	2.305.400.000	7,30%
Trương Thế Dũng	2.614.000.000	4,62%	4.280.000.000	13,55%
Phạm Thị Minh Ngọc	2.603.000.000	4,60%	2.603.000.000	8,24%
Phạm Huy Hoàng	2.729.120.000	4,82%	2.729.120.000	8,64%
Các cổ đông khác	45.999.840.000	81,31%	19.661.840.000	62,26%
Tổng	56.579.360.000	100%	31.579.360.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	31.579.360.000	30.079.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	25.000.000.000	1.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.579.360.000	31.579.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.657.936	3.157.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.657.936	3.157.936
- Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	3.157.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.657.936	3.157.936
- Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	3.157.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

f) Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2018 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	415.707.715	-	-	415.707.715

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu tăng trong năm	8.205.451.738	68.333.197.507
Doanh thu bán thành phẩm	85.500.000	1.589.622.345
Doanh thu bán hàng hóa	3.014.113.637	39.939.366.798
Doanh thu cung cấp dịch vụ	384.445.492	5.921.463.264
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.721.392.609	20.882.745.100
Doanh thu giảm trong năm	(525.926.188)	-
Giảm trừ doanh thu xây lắp năm trước (*)	(525.926.188)	-
Doanh thu thuần	7.679.525.550	68.333.197.507

(*) Trong năm, Công ty ghi nhận giảm doanh thu công trình BS 19 đã ghi nhận doanh thu năm 2017 của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với giá trị 525.926.188 VND không thuộc các bên liên quan.

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	4.846.905.336	20.218.202.124
Công ty Cổ phần Edico	3.358.546.402	41.340.612.016
Tổng	8.205.451.738	61.558.814.140

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn bán thành phẩm	16.908.300	447.035.560
Giá vốn bán hàng hóa	2.612.114.617	33.331.978.406
Giá vốn cung cấp dịch vụ	431.584.229	5.870.610.104
Giá vốn hoạt động xây lắp	4.573.326.653	19.560.784.847
Tổng	7.633.933.799	59.210.408.917

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	729.727.547	981.074.044
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.995.540.059	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	1.086.956.522	-
Tổng	6.812.224.128	981.074.044

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	1.587.266.737	-
Tổng	1.587.266.737	-

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác	65.363.636	280
Tổng	65.363.636	280

6.6 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nộp phạt	478.965.417	477.523.451
Các khoản khác	-	75.278.000
Tổng	478.965.417	552.801.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	4.050.305.680	905.655.219
Chi phí nhân viên	657.636.000	1.489.169.196
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.012.359.324	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(100.000.000)	(1.017.137.111)
Các khoản chi phí QLDN khác	2.480.310.356	433.623.134
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	72.345.000	989.250.272
Chi phí vận chuyển	24.345.000	718.860.200
Các khoản chi phí bán hàng khác	48.000.000	270.390.072

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	437.716.489
Chi phí nhân công	681.981.000	2.277.329.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.012.359.324	581.148.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.257.633.155	25.391.610.252
Chi phí khác	2.122.173.992	61.130.005
Tổng	10.074.147.471	28.748.934.896

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	242.652.420	1.343.997.973
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	93.118.104	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	335.770.524	1.343.997.973

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.10 Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	398.526.157	6.312.157.999
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	398.526.157	6.312.157.999
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	5.642.537	5.542.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	71	1.139
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	71	1.139
7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ		
7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tăng vốn từ chia cổ tức	-	1.500.000.000
Góp vốn vào công ty con bằng công nợ	-	8.000.000.000
7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	26.261.000.000	-
7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ vay theo khế ước thông thường	15.200.000.000	-
8. CÁC THÔNG TIN KHÁC		
8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	102.000.000	131.000.000
8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan		
Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:		
Công ty / đối tượng	Quan hệ	
Công ty CP Edico	Công ty con	
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	
Công ty CP Gạch Đông Giang	Công ty liên kết	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 15/06/2019) kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 03/06/2019)
Ông Trương Khánh Toàn	Kế toán trưởng (đến ngày 17/06/2019)
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 17/06/2019)
Các thành viên khác thuộc Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty CP Edico	Mua hàng	913.611.027	15.646.696.837
	Bán hàng	3.358.546.402	41.340.612.016
	Góp vốn đầu tư	15.000.000.000	12.500.000.000
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.995.540.059	-
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	Bán hàng	4.846.905.336	20.218.202.124
	Mua hàng	1.925.143.000	24.681.460.750
Công ty CP Gạch Đông Giang (*)	Góp vốn đầu tư	24.500.000.000	-
	Thoái vốn đầu tư	24.500.000.000	-
Ông Phạm Văn Hải	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Edico	27.500.000.000	-
Ông Trương Khánh Toàn	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Gạch Đông Giang	24.500.000.000	-
Ông Lưu Anh Tuấn (**)	Cho vay	7.000.000.00	-

(*) Trong năm 2018, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang với giá trị vốn góp là 24.500.000.000 VND chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ của công ty này theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, Công ty đã thoái toàn bộ đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang theo Nghị quyết số 08/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2812/HĐCN-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển nhượng là 24.500.000.000 VND.

(**) Đến ngày 31/05/2019, Ông Lưu Anh Tuấn đã tắt toán hợp đồng vay và đã thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi vay trước ngày được bổ nhiệm trưởng ban kiểm soát 17/06/2019.

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Edico		
- Phải thu thương mại	-	27.425.602.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Phải thu khác	-	2.335.610.366
- Phải trả thương mại	-	9.844.687.325
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco		
- Trả trước cho người bán	7.814.066.945	-
- Phải thu khác	-	1.173.074.736
- Phải trả thương mại	-	2.605.386.325
- Người mua trả tiền trước	825.495.349	6.542.104.659
Ông Lưu Anh Tuấn		
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.000.000.000	-

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xây dựng, bán vật liệu xây dựng trên địa bàn hoạt động. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận, tài sản và nợ phải trả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.099.613.637	4.195.466.421	384.445.492	7.679.525.550
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	470.590.720	(377.860.232)	(47.138.737)	45.591.751
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	13.293.818.575	13.522.247.732	-	26.816.066.307
Tài sản không phân bổ				70.057.337.230
Tổng tài sản				96.873.403.537
Nợ phải trả bộ phận	3.825.562.994	7.277.610.018	-	11.103.173.012
Nợ phải trả không phân bổ				21.709.619.925
Tổng nợ phải trả				32.812.792.937

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kết quả bộ phận, tài sản và nợ phải trả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	39.939.366.798	20.882.745.100	7.511.085.609	68.333.197.507
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.607.388.392	1.321.960.253	1.193.439.945	9.122.788.590
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	34.598.903.954	22.099.368.664	257.696.476	56.955.969.094
Tài sản không phân bổ				22.050.489.372
Tổng tài sản				79.006.458.466
Nợ phải trả bộ phận	20.487.956.827	12.232.263.058	2.867.664.526	35.587.884.411
Nợ phải trả không phân bổ				5.710.989.166
Tổng nợ phải trả				41.298.873.577

8.4 Công cụ tài chính

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Công ty bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay [áp dụng trong từng trường hợp] của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	13.399.360.172	-	13.399.360.172
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.761.741.147	-	2.761.741.147
Vay và nợ thuê tài chính	11.061.000.000	-	11.061.000.000
	27.222.101.319	-	27.222.101.319
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Phải trả người bán	26.088.996.539	-	26.088.996.539
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.585.756.707	-	1.585.756.707
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
	27.674.753.246	-	27.674.753.246

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Tiền và tương đương tiền	105.616.273	-	-	105.616.273
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu về cho vay	8.202.280.000			8.202.280.000
Các khoản phải thu khác	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
	8.307.896.273	-	45.000.000.000	53.307.896.273
Ngày 01 tháng 01 năm 2018				
Tiền và tương đương tiền	3.232.760.792	-	-	3.232.760.792
Phải thu khách hàng	28.660.810.928	-	-	28.660.810.928
Các khoản phải thu khác	3.508.685.102	-	-	3.508.685.102
	35.402.256.822	-	-	35.402.256.822

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 0 VND; và
- Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	105.616.273	3.232.760.792	105.616.273	3.232.760.792
Phải thu khách hàng	-	28.660.810.928	-	28.660.810.928
Phải thu về cho vay	8.202.280.000	-	8.202.280.000	-
Các khoản phải thu khác	45.000.000.000	3.508.685.102	45.000.000.000	3.508.685.102
	53.307.896.273	35.402.256.822	53.307.896.273	35.402.256.822
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	13.399.360.172	26.088.996.539	13.399.360.172	26.088.996.539
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.761.741.147	1.585.756.707	2.761.741.147	1.585.756.707
Vay và nợ thuê tài chính	11.061.000.000	-	11.061.000.000	-
	27.222.101.319	27.674.753.246	27.222.101.319	27.674.753.246

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

31 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

- Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017.
- Theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện đầu tư vào "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê" tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng làm chủ đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.
- Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp thêm vốn vào Công ty CP Edico với số tiền 15.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2017/ALV/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017, nâng tổng số cổ phần đầu tư lên 2.750.000 cổ phần tương ứng với giá trị đầu tư là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% vốn điều lệ Công ty CP Edico. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2018, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty CP Edico theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT ngày 28/12/2018 của Hội đồng quản trị. Đến ngày 31/12/2018, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Edico.
- Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang với giá trị vốn góp là 24.500.000.000 VND chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ của công ty này theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018. Tuy nhiên, Công ty đã thoái toàn bộ đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang theo Nghị quyết số 08/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2812/HĐCN-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển nhượng là 24.500.000.000 VND.

10. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- Vào ngày 3 tháng 6 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 13, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Phạm Văn Hải sang ông Bùi Minh Trường, chức danh Tổng Giám đốc.
- Theo Quyết định số 283/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu của Công ty (ALV) hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 654/TB-SGDHN ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu ALV được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 377/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hiện tại, cổ phiếu ALV bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM: chỉ được giao dịch vào phiên thứ Sáu hàng tuần bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 669/TB-SGDHN ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018